

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 59/2015/QĐ-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 22 tháng 12 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư  
phát triển nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;  
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;  
Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/06/2014;  
Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/09/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;  
Căn cứ Nghị quyết số 38/2015/NQ-HĐND8 ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh khóa VIII – Kỳ họp thứ 18 về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020;  
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 282/TTr-SKHĐT ngày 17/12/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 (Kèm theo Quy định cụ thể).

**Điều 2.** Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được phê duyệt, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị trực thuộc và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
Đã ký: Trần Văn Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **QUY ĐỊNH**

#### **Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2015  
của UBND tỉnh Bình Dương)*

#### **I. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020:**

Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách tỉnh được bố trí để chuẩn bị đầu tư và thực hiện các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng hoàn vốn trực tiếp hoặc không xã hội hóa được thuộc ngành, lĩnh vực sau:

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: Các dự án thủy lợi, hạ tầng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và phát triển rừng bền vững; phát triển thủy sản; phát triển giống cây trồng, vật nuôi; các dự án phòng, tránh thiên tai, bão lụt, hạn hán.

2. Công nghiệp: Hạ tầng kết nối ngoài hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp; mạng lưới điện nông thôn; mạng lưới điện phục vụ quốc phòng, an ninh.

3. Thương mại: Các dự án chợ dân sinh, kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

4. Giao thông: Các dự án hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa.

5. Cấp nước, thoát nước và xử lý rác thải, nước thải: Các dự án cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải.

6. Kho tàng: Các dự án kho tàng, kho lưu trữ chuyên dụng, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng.

7. Văn hóa: Các dự án đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo di sản văn hóa, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh; bảo tồn văn hóa truyền thống, các dự án văn hóa.

8. Thể thao: Các dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng thể dục, thể thao.

9. Du lịch: Các dự án hạ tầng kỹ thuật nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm, địa bàn du lịch.

10. Khoa học, công nghệ: Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ; các phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm; các trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định; các phòng thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật; các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ, các chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng; các trạm, trại thực nghiệm; khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

11. Thông tin: Các dự án phục vụ hoạt động xuất bản, thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội, công ích thiết yếu.

12. Truyền thông: Các dự án viễn thông phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, đảm bảo an toàn thông tin.

13. Công nghệ thông tin: Các dự án đầu tư hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin; bảo mật và an toàn thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước; hạ tầng công nghệ thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

14. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở giáo dục, đào tạo và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cấp học từ mầm non đến đại học và hạ tầng kỹ thuật các khu đại học.

15. Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm: Các dự án bệnh viện, các cơ sở y tế, trung tâm kiểm nghiệm, kiểm định, giám định của cơ quan quản lý chuyên ngành.

16. Xã hội: Các dự án nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe cán bộ, công chức; cai nghiện và các dự án trợ giúp xã hội khác; các dự án cải tạo, nâng cấp các dự án ghi công liệt sỹ.

17. Tài nguyên và môi trường: Các dự án trong lĩnh vực đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất và khoáng sản, nguồn nước; quan trắc cảnh báo môi trường; bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

18. Quản lý nhà nước: Các dự án trụ sở, nhà công vụ của các cơ quan Đảng, HĐND, UBND các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư; trụ sở các cơ quan tư pháp.

19. Quốc phòng, an ninh: Các dự án phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

20. Dự trữ quốc gia: Hỗ trợ hàng dự trữ quốc gia năm 2016 nhằm khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội cấp bách có yêu cầu phải xử lý ngay.

## **II. Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020:**

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm tính thống nhất về quan điểm, mục tiêu phát triển đã được cấp thẩm quyền phê duyệt trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và cấp huyện.

3. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác.

4. Bố trí vốn đầu tư tập trung, đúng quy định, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Dành 10% tổng số vốn ở từng nguồn vốn dự phòng (chưa phân bổ) trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành kế hoạch đầu tư trung hạn.

7. Bố trí đủ vốn trong kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

### **III. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020:**

Thực hiện theo các nội dung của Mục II Quy định này về các nguyên tắc chung về phân bổ vốn và các nguyên tắc cụ thể sau:

1. Việc phân bổ vốn theo ngành, lĩnh vực cấp tỉnh phải nhằm thực hiện các mục tiêu quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm của các ngành, lĩnh vực cấp tỉnh.

2. Phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách và huy động các nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

3. Bảo đảm tương quan hợp lý giữa vốn đầu tư cho các ngành, lĩnh vực cấp tỉnh, vốn hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện và vốn phân cấp theo tiêu chí cho cấp huyện.

4. Việc phân bổ vốn cho dự án phải bảo đảm dự án phù hợp trong quy hoạch được duyệt và có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

5. Các dự án bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đều phải được thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của các cấp có thẩm quyền.

#### **IV. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách cấp huyện giai đoạn 2016 - 2020:**

##### **1. Nguyên tắc xây dựng các tiêu chí và định mức phân bổ vốn:**

a) Phải bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

b) Các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách cấp huyện thực hiện cho giai đoạn 2016 - 2020.

c) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh và định hướng phát triển các chức năng đô thị của tỉnh; Giữa các huyện có đóng góp ngân sách lớn với việc phát triển các huyện còn khó khăn về cơ sở hạ tầng để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển giữa các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

d) Sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

e) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển.

##### **2. Các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư cho cấp huyện:**

a) Tiêu chí dân số:

Điểm của tiêu chí dân số được tính như sau:

<b>Số dân</b>	<b>Điểm</b>
Đến 120.000 người	10
Từ 120.000 người đến 220.000, cứ tăng thêm 20.000 người được thêm	01
Trên 220.000 người, cứ tăng thêm 20.000 người được thêm	2,5

Dân số của các huyện, thị, thành phố được xác định căn cứ vào số liệu dân số trung bình năm 2014 do Cục Thống kê công bố.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển:

Bao gồm 3 tiêu chí: Số hộ nghèo, thu nội địa và điều tiết về ngân sách tỉnh. Điểm của tiêu chí về trình độ phát triển là tổng số điểm của tiêu chí số hộ nghèo, tiêu chí thu nội địa và tiêu chí huyện, thị xã, thành phố có điều tiết về ngân sách tỉnh.

(1) Điểm của tiêu chí Số hộ nghèo:

<b>Số hộ nghèo</b>	<b>Điểm</b>
Đến 100 hộ.	5
Trên 100 hộ, cứ tăng thêm 50 hộ được thêm.	0,25

Chuẩn hộ nghèo được xác định căn cứ theo Quyết định 51/2013/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh và số hộ nghèo được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đến hết năm 2014.

(2) Điểm của tiêu chí thu nội địa:

<b>Thu nội địa</b>	<b>Điểm</b>
Dưới 200 tỷ đồng	15
Từ 200 tỷ đồng tới 600 tỷ đồng, cứ 50 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	0,5
Trên 600 tỷ đồng, cứ 50 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	1,25

Số thu nội địa được xác định căn cứ vào tổng số thu ngân sách của cấp huyện năm 2014 theo số quyết toán của Sở Tài chính.

(3) Điểm của Tiêu chí huyện, thị xã, thành phố có điều tiết về ngân sách tỉnh:

<b>Điều tiết về ngân sách tỉnh</b>	<b>Điểm</b>
Huyện, thị xã, thành phố có điều tiết về ngân sách tỉnh	20

c) Tiêu chí về diện tích tự nhiên:

Điểm của tiêu chí diện tích tự nhiên được tính như sau:

<b>Diện tích tự nhiên</b>	<b>Điểm</b>
Dưới 200 km <sup>2</sup>	10
Từ 200 km <sup>2</sup> đến 400 km <sup>2</sup> , cứ 50 km <sup>2</sup> tăng thêm được tính thêm	0,75
Trên 400 km <sup>2</sup> , cứ 50 km <sup>2</sup> tăng thêm được tính thêm	1,25

Diện tích tự nhiên của từng huyện, thị xã, thành phố được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2014.

d) Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã:

Bao gồm: Số đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã).

Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính như sau:

<b>Đơn vị hành chính cấp xã</b>	<b>Điểm</b>
Mỗi xã được tính	01

e) Tiêu chí bổ sung:

<b>Địa phương</b>	<b>Điểm</b>
Trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh: Thành phố Thủ Dầu Một	20
Cải tạo, chỉnh trang đô thị: Thành phố Thủ Dầu Một, thị xã Thuận An, Dĩ An.	25

### **3. Cách tính định mức phân bổ vốn cho từng huyện, thị xã, thành phố:**

a) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm cho từng huyện, thị xã, thành phố (ở mục này gọi chung là huyện) và tổng điểm của 9 huyện làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối theo các công thức sau:

Tổng số điểm của từng huyện ( $M_i$ ) =  $A_i + B_i + C_i + D_i + E_i$

Trong đó:

$M_i$ : Tổng số điểm của huyện  $i$ ;

$A_i$ : Số điểm của tiêu chí dân số huyện  $i$ ;

$B_i$ : Số điểm của tiêu chí trình độ phát triển huyện  $i$ ;

$C_i$ : Số điểm của tiêu chí diện tích tự nhiên của huyện  $i$ ;

$D_i$ : Số điểm của tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện  $i$ ;

$E_i$ : Số điểm của tiêu chí bổ sung huyện  $i$ ;

b) Số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ được tính theo công thức:

$$Y = \frac{X}{M_T}$$

$M_T$ : là tổng số điểm của 9 huyện;

$X$  là tổng số vốn đầu tư xây dựng phân bổ cho cấp huyện;

$Y$  là số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ vốn đầu tư;